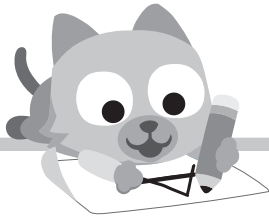


圣诞快乐

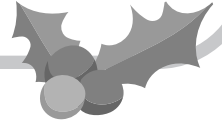
from studycat





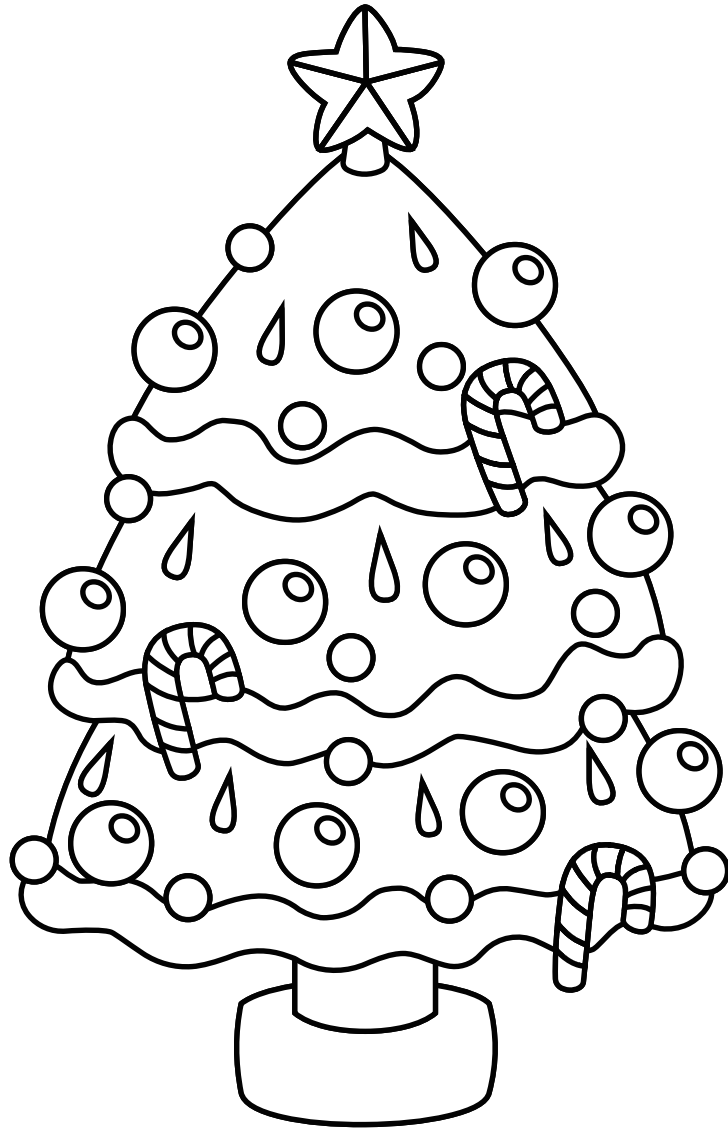
词汇

着色



小精灵

Xiǎo jīng líng



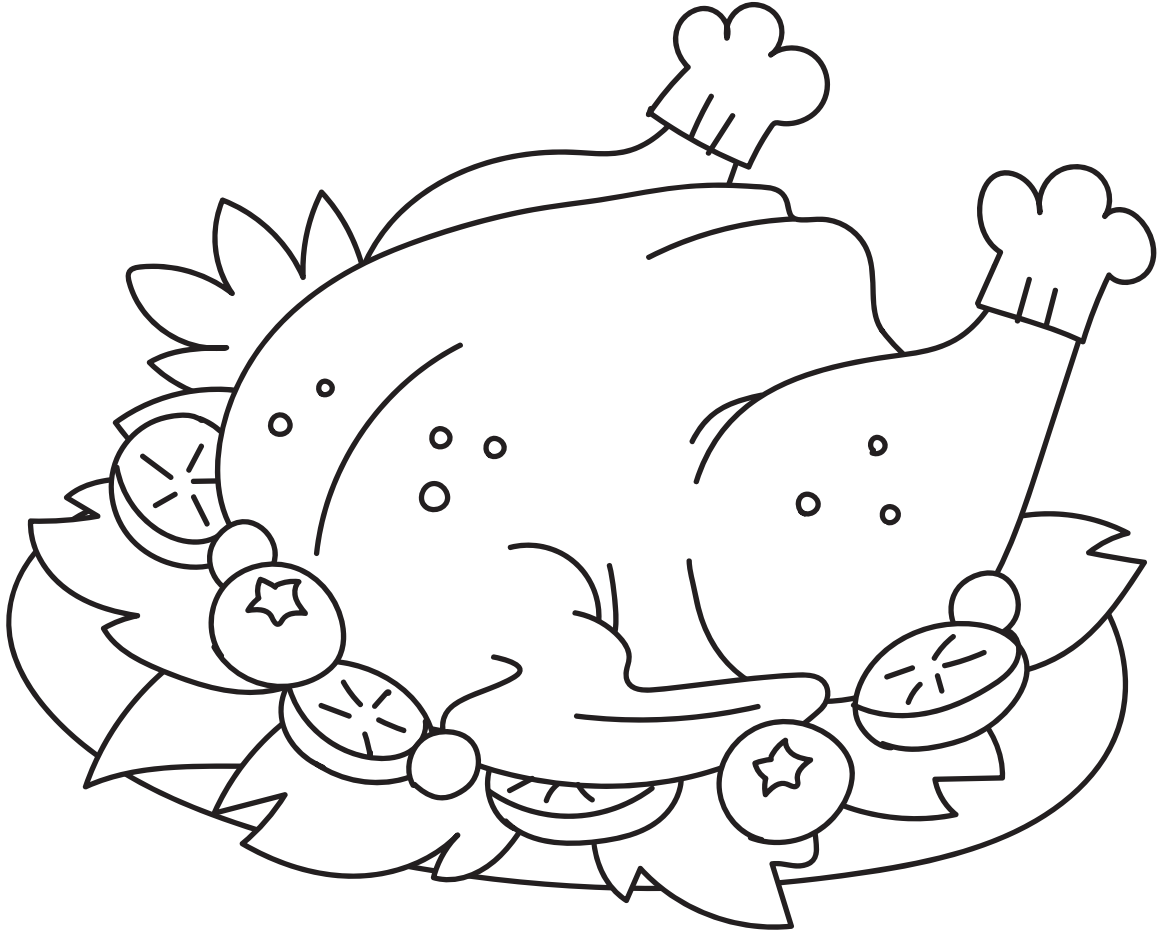
圣诞树

Shèng dàn shù



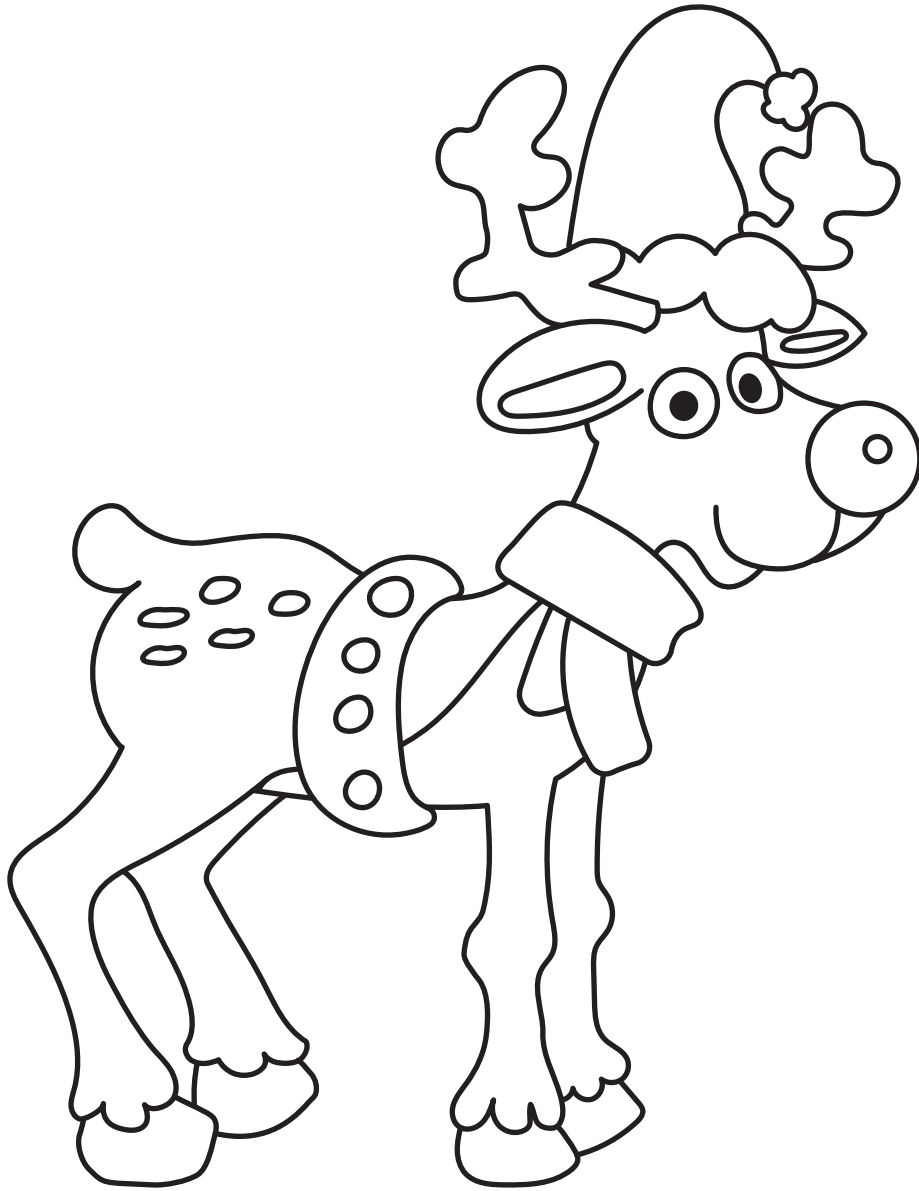
圣诞老人

Shèng dàn lǎo rén



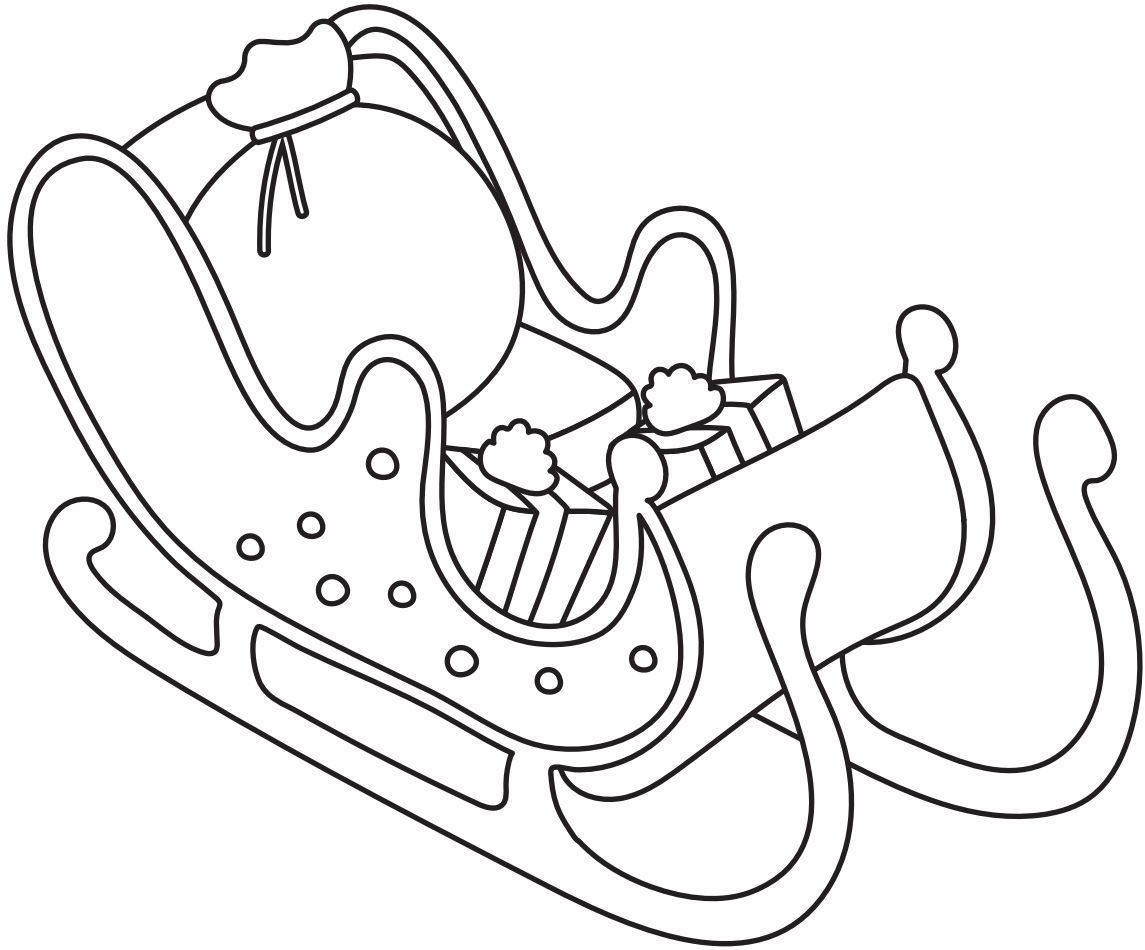
火鸡

Huǒ jī



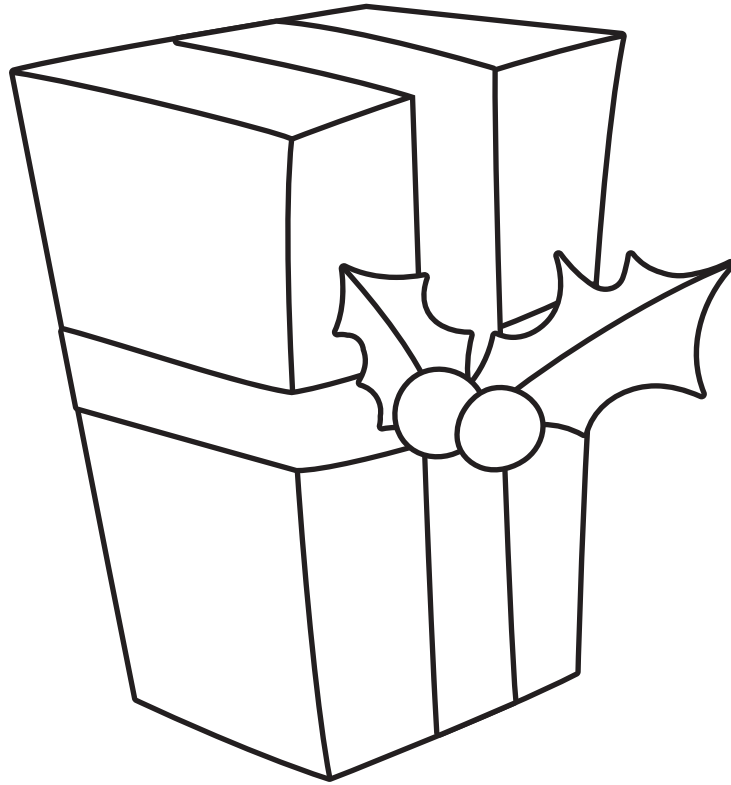
驯鹿

Xùn lù



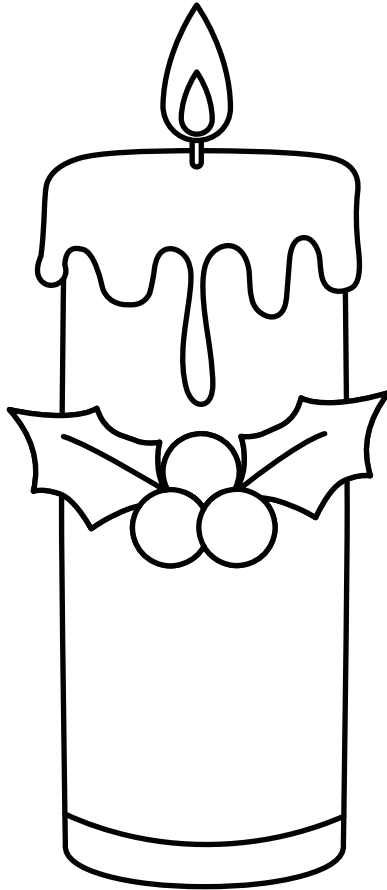
雪橇

Xuě qiāo



礼物

Lǐ wù



蜡烛

Là zhú



天使

Tiān shǐ



装饰

Zhuāng shì



雪人

Xuě rén

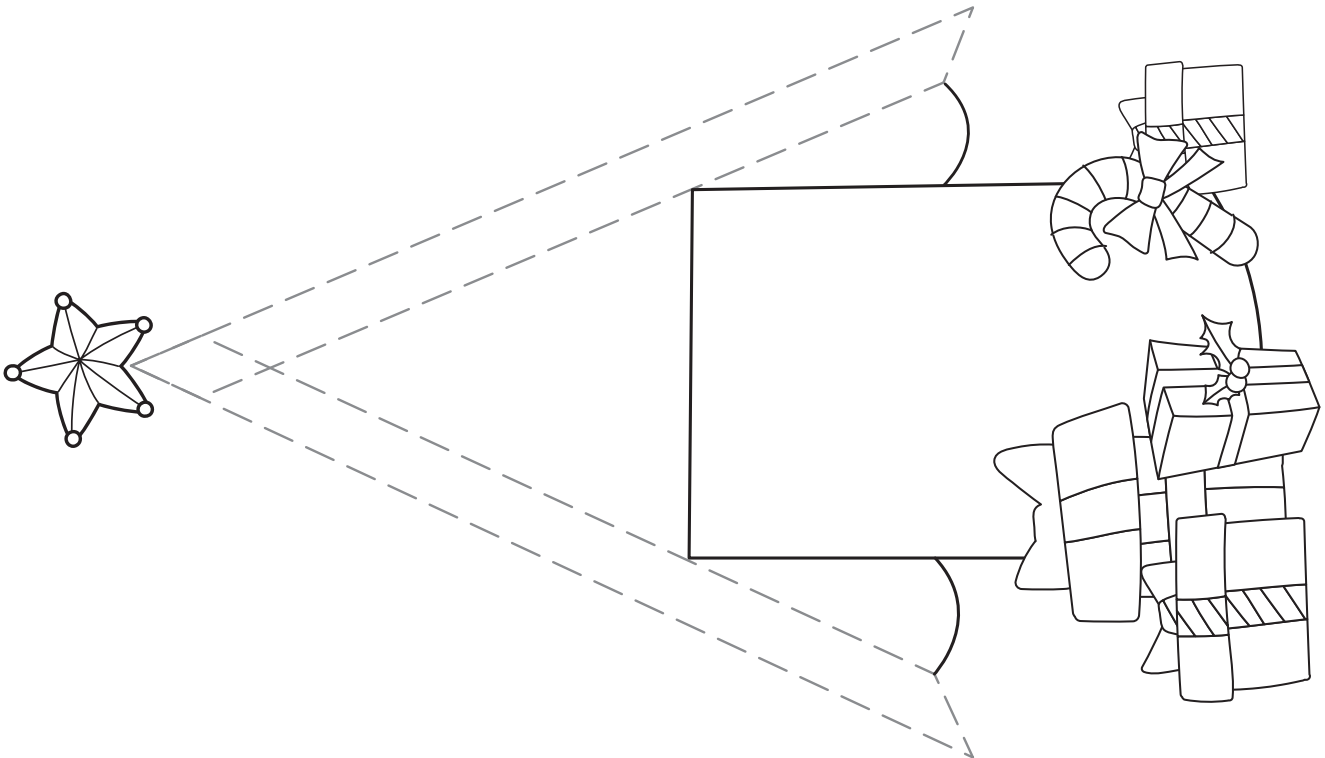
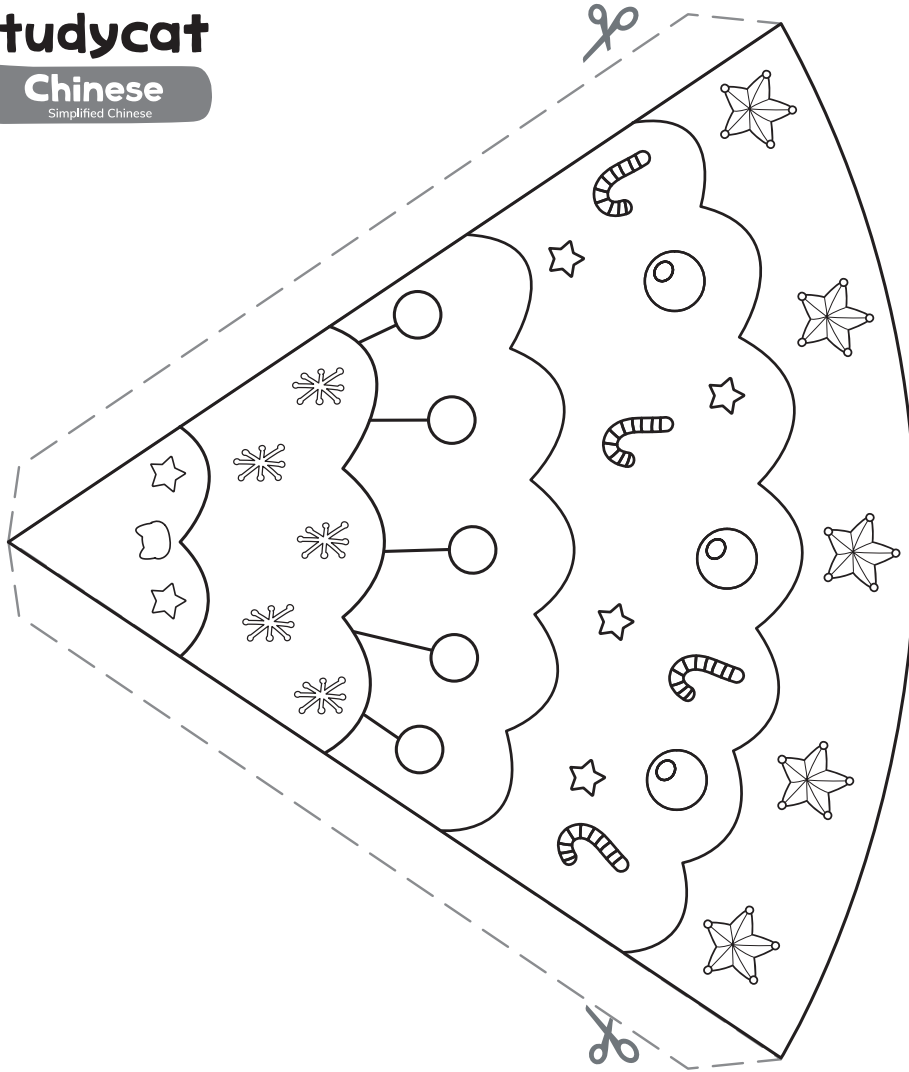


studycat

Chinese
Simplified Chinese



studycat.com



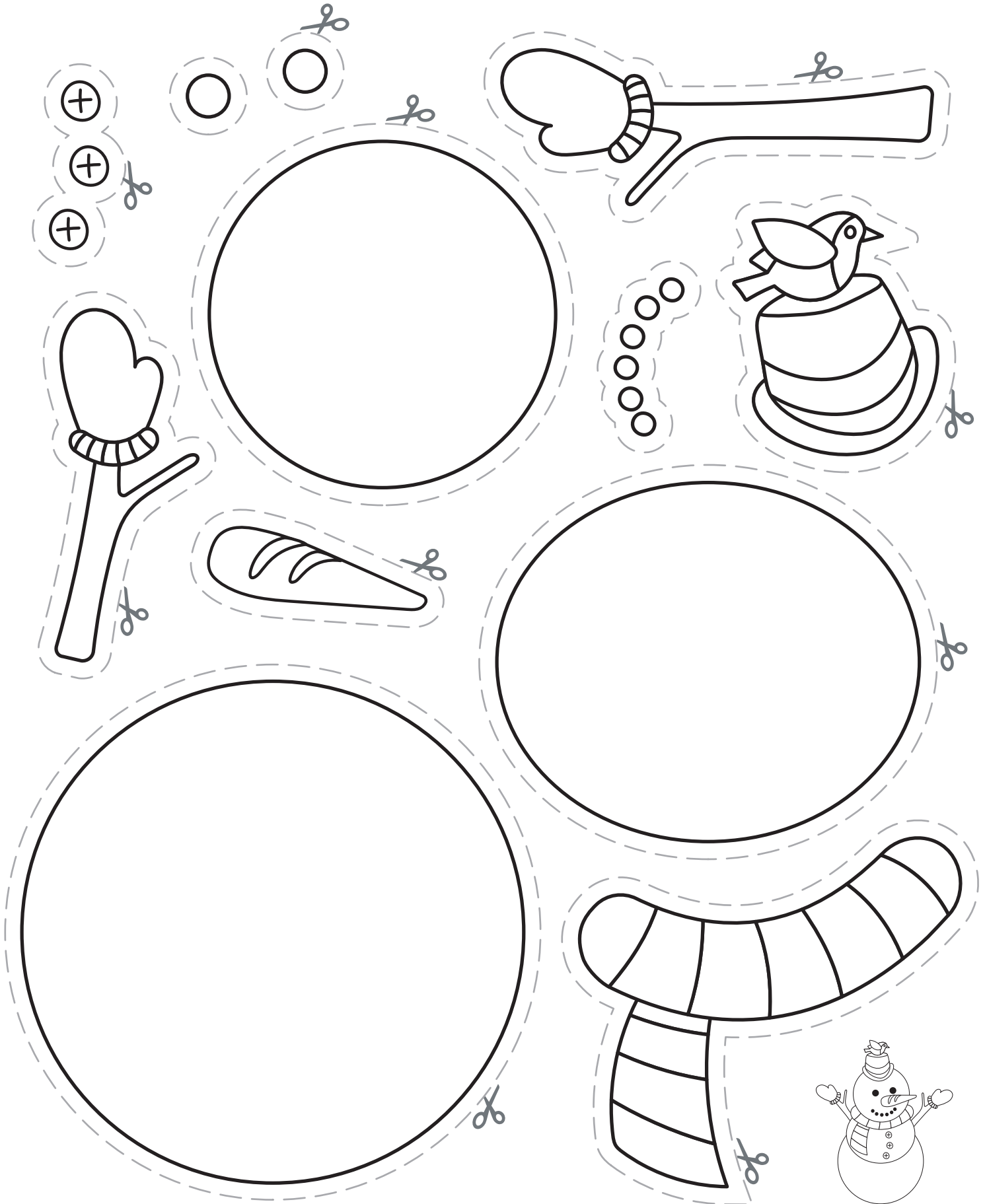
圣诞快乐

from studycat





堆你自己的雪人





制作 & 游戏

全民找茬





制作 & 游戏

连连看



●
装饰

●
蜡烛

●
天使

●
火鸡

●
圣诞树